TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-ST
Ngày 27 - 8 -2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền.
2. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (OCB)**. Địa chỉ: số 41-45 L, phường B, Quận C, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn T: Ông Ngô Trung K – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP P chi nhánh B (văn bản ủy quyền số 70/2016/UQ-CT.HĐQT ngày 16/4/2018);

Người được ông Ngô Trung K ủy quyền lại là: Ông Đinh Văn T2, ông Nguyễn Trung H1, ông Tống Minh Đ- Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP P chi nhánh B (văn bản ủy quyền số 17A/GUQ-OCB.CNBL ngày 16/4/2018).

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Kim M**, sinh năm 1989 và ông **Nguyễn Tứ V**, sinh năm 1982. Cùng địa chỉ: Số 73C/5, đường R, khóm E, phường F, thành phố L, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T**. Địa chỉ trụ sở: Lầu 1, Nhà Phụ trợ 1, chợ Trung Tâm L2, đường P, phường Q, thành phố L, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Đông H - Chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ: số 19, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần P có mặt, bị đơn bà Nguyễn Kim M, ông Nguyễn Tứ V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan công ty Cổ phần tư vấn đầu tư, xây dựng thương mại T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Thương mại cổ phần P trình bày:

Ngày 01/03/2016 giữa Ngân hàng TMCP P (gọi tắt là Ngân hàng) và Bà

Nguyễn Kim M cùng với chồng bà M là ông Nguyễn Tứ V có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 048.0027/2016/HĐTD-CN. Theo hợp đồng thì Ngân hàng sẽ cho bà M và ông V vay số tiền là 337.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu đồng), loại hình vay dài hạn (120 tháng) với lãi suất cho vay là 8.5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Bà M, ông V đã nhận tiền vay ngày 02/03/2016 với số tiền là 337.000.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T (gọi tắt là Công Ty T) đã ký kết Hợp đồng hợp tác số 01/2014/HĐLK-OCB thỏa thuận trường hợp khách hàng vay không thanh toán được nợ, để phát sinh nợ quá hạn thì Công Ty T có trách nhiệm trả nợ thay.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 01/03/2016 giữa Ngân hàng và Công Ty T cùng với bà Nguyễn Kim M, ông Nguyễn Tứ V có thỏa thuận ký hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng (của bên thứ ba) số: 048.0027/2016/BĐ để thế chấp 02 tài sản sau:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng Ki-ốt số F 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng quầy, sạp, ki-ốt số 238/GCN-MTBL do Công Ty T cấp ngày 11/05/2015; địa chỉ Ki-ốt: Chợ Trung tâm phường Q, TP L, tỉnh B; diện tích Ki-ốt là 5,79m^2; mục đích sử dụng: kinh doanh quần áo may sẵn; Thời hạn cho thuê 240 tháng, kể từ ngày 01/07/2015 đến ngày 01/07/2035;

+ Tài sản 2: Quyền sử dụng Ki-ốt số F 11 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng quầy, sạp, ki-ốt số 239/GCN-MTBL do Công Ty T cấp ngày 11/05/2015; địa chỉ Ki-ốt: Chợ Trung tâm phường Q, TP L, tỉnh B; diện tích Ki-ốt là 5,82m^2; mục đích sử dụng: kinh doanh quần áo may sẵn; Thời hạn cho thuê 240 tháng, kể từ ngày 01/07/2015 đến ngày 01/07/2035;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 37.737.861 đồng (trong đó, gốc là 19.600.000 đồng, lãi là 18.137.861 đồng). Bà M, ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 048.0027/2016/HĐTD-CN vì vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Bà Nguyễn Kim M, ông Nguyễn Tứ V phải trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền nợ gốc còn lại là 317.400.000 đồng, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 78.715.672 đồng và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay.

- Trường hợp bà Nguyễn Kim M, ông Nguyễn Tứ V không thanh toán được nợ cho Ngân hàng với số tiền theo yêu cầu nêu trên thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc phía Công Ty T (người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị Đông H) phải thanh toán thay cho khách hàng bà Nguyễn Kim M cùng với chồng là Ông Nguyễn Tứ V.

- Trường hợp khách hàng Bà Nguyễn Kim M cùng với chồng là ông Nguyễn Tứ V cùng với bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công Ty T không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thi hành án.

Theo đồng bị đơn bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V thống nhất trình bày: Bà M, ông V và Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã ký kết hợp đồng tín dụng số 048.0027/2016/HĐTD-CN, số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay tiền và số tiền đã trả đúng như Ngân hàng trình bày nên ông bà thống nhất nợ ngân hàng. Hiện nay

hoàn cảnh gia đình ông bà đang gặp khó khăn nên không có khả năng thanh toán vì vậy yêu cầu Công Ty T thực hiện hợp đồng hợp tác số 01/2014/HĐLK-OCB giữa Công Ty T và Ngân hàng P thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay.

Người đại diện theo pháp luật công ty Cổ phần đầu tư Thương mại Xây dựng T, bà Nguyễn Thị Đông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại Cổ phần P giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.958.376 đồng, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Giao dịch giữa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần P và bị đơn ông Nguyễn Tứ V, bà Nguyễn Kim M là giao dịch ký kết hợp đồng tín dụng được thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nội dung và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là đúng quy định. Thực tế giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P và ông V, bà M có ký kết hợp đồng tín dụng số 048.0027/2014/HĐTD-CN ngày 01/3/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng khách hàng vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà M, ông V trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Giữa công ty Cổ phần đầu tư, xây dựng, thương mại T và Ngân hàng thương mại Cổ phần P, chi nhánh B đã ký kết hợp đồng hợp tác số 01/2014/HĐLK-OCB ngày 10/11/2014 và hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 048.0027/2016/BĐ ngày 01/3/2016, theo hợp đồng trường hợp ông Nguyễn Tứ V, bà Nguyễn Kim M không trả được nợ thì buộc Công ty T phải thanh toán khoản nợ trên thay cho bà M, ông V. Nếu Công Ty T không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng ki ốt số F10 chợ Trung tâm Bạc Liêu, diện tích 5,79m^2 theo giấy chứng nhận số 238/GCN-MTBL do Công Ty T cấp ngày 11/05/2015 và quyền sử dụng ki ốt số F11 chợ Trung tâm B, diện tích 5,82m^2 theo giấy chứng nhận số 239/GCN-MTBL do Công Ty T cấp ngày 11/05/2015 cho Hộ tiểu thương Nguyễn Kim M để thu hồi nợ; xét thấy, hợp đồng hợp tác, hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, về nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P, buộc bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 317.400.000 đồng, lãi 78.715.672 đồng và yêu cầu tiền lãi trên số tiền nợ gốc 317.400.000 đồng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, trường hợp bà M, ông V không trả được nợ thì buộc Công Ty T trả nợ thay, nếu bà M, ông V và Công Ty T không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với số tiền phạt lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.958.376 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút lại yêu cầu này nên đây là sự tự nguyện của nguyên đơn đề nghị ghi nhận, đình chỉ xét xử sơ thẩm về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 396.116.104 đồng (trong đó nợ gốc là 317.400.000 đồng, lãi tính đến ngày 27/8/2018 là 78.715.672 đồng) và lãi trên số tiền 317.400.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 048.0027/2016/HĐTD-CN ngày 01/3/2016, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Kim M, ông Nguyễn Tứ V có nơi cư trú tại số 73C/5, đường R, khóm E, phường F, thành phố L, tỉnh B nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Ngày 01/3/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần P, ông Nguyễn Tứ V, bà Nguyễn Kim M ký kết hợp đồng tín dụng đến ngày 02/10/2016 bà M, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án ngày 18/10/2017, theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

[2]Về nội dung vụ án:

Các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ngày 01/3/2016, bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V có ký kết hợp đồng tín dụng số 048.0027/2016/HĐTD-CN ngày 01/3/2016 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần P chi nhánh B để vay số tiền 337.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,5%/ năm trong 06 tháng đầu, từ tháng thứ 07 trở đi lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ lãi xuất (tối thiểu 4,5%/năm), thời hạn vay 120 tháng, nợ gốc và lãi trả cố định ngày 02 hàng tháng, sau khi vay tiền ông V, bà M thanh toán cho Ngân hàng được số tiền vốn và lãi là 37.737.861 đồng, còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc 317.400.000 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 27/8/2018 là 78.715.672 đồng.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được các bên tự nguyện ký kết, hình thức, nội dung thỏa thuận của các bên là phù hợp, không trái quy định pháp luật, khách hàng vay bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ đã giao kết trong hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M, ông V trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ; phía chị M và anh V xác định thống nhất về số tiền vay, thời gian vay tiền, số tiền đã trả như ngân hàng trình bày là đúng, tuy nhiên giữa ông và Công Ty T và Ngân hàng P có ký kết thỏa thuận bảo lãnh trả nợ thay nên bà M, ông V yêu Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng T có nghĩa vụ trả nợ thay; xét ý kiến trình bày của bà M, ông V thấy rằng bà M và ông V đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, không thanh toán nợ đúng hạn nên bà M, ông V có nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, trong

trường hợp bà M và anh V không thanh toán được thì mới phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay theo hợp đồng hợp tác giữa Công Ty T và Ngân hàng P nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V.

Xét yêu cầu của Ngân hàng P yêu cầu Công Ty T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay trrong trường hợp khách hàng vay là bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V không trả nợ, xét thấy căn cứ khoản 8 Điều 2 của Hợp đồng hợp tác số 01/2014/HDLK-OCB ngày 10/11/2014 giữa công ty cổ phần đầu tư xây dựng Minh Thắng (gọi tắt là chủ đầu tư) và Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB) quy định: "*Trường hợp 01 tiểu thương phát sinh nợ xấu: Chủ đầu tư đồng ý kho 01 hộ tiểu thương phát sinh nợ quá hạn quá 60 ngày, công ty T và OCB sẽ kết hợp thu hồi lô sạp để chuyển nhượng cho người khác để thu hồi nợ trong vòng 30 ngày tiếp theo; đến ngày quá hạn 91, mà chủ đầu tư và OCB vẫn chưa chuyển nhượng được lô sạp thì chủ đầu tư sẽ trả nợ thay cho cho khách hàng món vay đó*"; như vậy giữa Công Ty T và Ngân hàng P đã có thỏa thuận trả nợ thay khách hàng nên thỏa thuận này là giao dịch bảo lãnh, bà M và ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay từ tháng 10/2016, làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bên bảo lãnh nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trong trường hợp bà Nguyễn Kim M, ông Nguyễn Tứ V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì buộc công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 048.0027/2016/HĐTD-CN ngày 01/3/2016 thay cho bà M, ông V.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng ki ốt F10 và F11 tại chợ Trung tâm Bạc Liêu, ngày 07/7/2018, bà M đơn có yêu cầu kết thúc hợp đồng thuê ki ốt với Công Ty T, theo hợp đồng thuê ki ốt ký kết giữa bà M và Công Ty T thì "*trong quá trình kinh doanh nếu không còn nhu cầu sử dụng quầy sạp ki ốt, bên B phải báo trước cho bên A 30 ngày để làm thủ tục thanh lý hợp đồng*", như vậy bà M đã không có nhu cầu sử dụng quầy sạp ki ốt số F10 và F11, theo biên bản thẩm định tại chỗ ki ốt trên hiện đang để trống và chưa có người thuê lại nên căn cứ Điều 2 và Điều 5 của hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng (của bên thứ 3) số 048.0027/2016/BĐ ngày 01/3/2016 theo đó ngân hàng P được quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng ki ốt F10 và F11 chợ Trung tâm B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng quầy sạp ki ốt chợ trung tâm Bạc Liêu số 238/GCN-MTBL và số 239/GCN-MTBL do công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thương mại T ký ngày 11/5/2015, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng P về phần này.

Đối với số tiền phạt lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.958.376 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút lại yêu cầu này, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ xét xử sơ thẩm về phần này.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 200.000 đồng, bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V phải chịu toàn bộ, Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã dự nộp 200.000 đồng, bà M và ông V phải hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P 200.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 396.116.104 đồng nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 396.116.104 đồng x 5% = 19.805.805 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã nộp 8.962.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 008703 ngày 01/11/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần P được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 471, 473, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 249; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P

Buộc bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V trả lại số tiền 396.116.104 đồng (*Ba trăm chín mươi sáu triệu một trăm mười sáu nghìn một trăm lẻ bốn đồng*), trong đó nợ gốc là 317.400.000 đồng (*Ba trăm mười bảy triệu bốn trăm ngàn đồng*) và lãi tính đến ngày 27/8/2018 là 78.715.672 đồng (*Bảy mươi tám triệu bảy trăm mười lăm ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi 6.958.376 đồng.

2. Trường hợp bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V không trả được nợ thì buộc Công ty Cổ phần đầu tư, xây dựng, thương mại T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thay cho bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V.

3. Trường hợp bà Nguyễn Kim M và ông Nguyễn Tứ V và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T không thanh toán được nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng ki ốt số F10, chợ Trung tâm phường Q, thành phố Bạc Liêu, diện tích 5,79m^2 theo giấy chứng nhận số 238/GCN-MTBL do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T cấp ngày 11/05/2015.

- Quyền sử dụng ki ốt số F11 chợ Trung tâm phường Q, thành phố Bạc Liêu, diện tích 5,82m^2 theo giấy chứng nhận số 239/GCN-MTBL do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T cấp ngày 11/05/2015.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Kim M, ông Nguyễn Tứ V hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P 200.000 đồng (*Hai*

trăm nghìn đồng).

5. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Kim M, ông Nguyễn Tứ V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 19.805.805 đồng (*Mười chín triệu tám trăm lẻ năm nghìn tám trăm lẻ năm đồng*).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã nộp 8.962.000 đồng (*Tám triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 008703 ngày 01/11/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần P được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Tuyết Anh